

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/DS-PT
Ngày: 06/6/2018
V/v: Yêu cầu trả tiền phát sinh từ
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh;
Ông Phạm Đình Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, về yêu cầu trả tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1951 (Có mặt)

Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1990 (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, ấp S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1940 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị X - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị X và anh Nguyễn Hồng S trình bày:* Bà X và anh S là vợ và con của ông Nguyễn Văn T (ông T chết theo giấy chứng tử là ngày 22/02/2000). Trước năm 2000 (khi ông T còn sống) có chuyển nhượng cho ông Đ 22 công đất ruộng tọa lạc tại ấp S, ấp Sinh An (nay là ấp Sinh T) huyện K, tỉnh Kiên Giang với giá 22 chỉ vàng 24kra, ông Đ trả trước 11 chỉ, còn nợ 11 chỉ, ông Đ có viết hai giấy biên nhận (mỗi bên giữ một giấy) và hứa làm một hoặc hai vụ lúa sẽ trả, khi trả xong nợ thì mới đi làm giấy đưa ra chính quyền xác nhận việc mua bán.

Qua hai vụ lúa thì ông T đã chết, bà X yêu cầu ông Đ trả số vàng còn nợ, thì ông Đ yêu cầu phải đưa giấy biên nhận nợ cho ông Đ mới trả, bà về nhà tìm không thấy giấy biên nhận nợ và coi như là đã mất, sau đó bà có gặp bà Nguyễn Thị A là người cấy lúa thuê, ở nhờ gia đình của bà, trước đây bà Ánh ở cùng với ông Đ và bà cho biết: *“lúc trước bà X đi vắng nhà bà Ánh đi cấy lúa về thấy ông Đ lục lấy giấy tờ gì trên kệ”*, từ đó bà X tiếp tục quay lại yêu cầu ông Đ trả nợ, thì ông Đ nói để từ từ trả nhưng từ đó cho tới nay ông Đ không trả.

Nay Bà X và anh S yêu cầu ông Đ trả 11 chỉ vàng 24kra còn thiếu theo giá vàng hiện nay 3.540.000đồng/chỉ, thành tiền 38.940.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì thêm.

* *Bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:* Giữa ông với ông Nguyễn Văn T (ông T tên gọi khác là Tư Tịch hay Tư Tấn) là chỗ quen biết và nhận anh em kết nghĩa, ông T có phần đất tại Bãi Cà Ngop thuộc ấp Rạch Đùng, ấp Sinh An (nay là ấp Sinh Trị) huyện K đất chưa có giấy, ông T không sử dụng mới sang nhượng cho ông 14 công tầm lớn với giá 09 chỉ vàng 24kra, việc này hai bên có làm giấy thỏa thuận nhượng đất đề ngày 01/4/1994, qua đó ông đã đưa trước 5,5 chỉ, còn lại 3,5 chỉ hẹn tới vụ lúa sẽ trả. Số vàng còn lại này ông đã trả cho ông T cụ thể như sau:

Ngày 05/4/1994 trả 05 phân trực tiếp cho ông T.

Ngày 28/5/1994 trả 01 chỉ, ông T nói để cho vợ ông Thọ vay (ông Thọ là em Bà X).

Ngày 21/6/1994 và ngày 06/8/1994 trả 02 chỉ còn lại, coi như không còn nợ.

Do ông T còn đất kế bên nên ông T có cầm cố cho ông 04 công đất tầm lớn với số vàng 02 chỉ 24kra, ông đã giao tiền trị giá bằng 02 chỉ vàng cho ông T, sau đó ông T không có tiền trả nên hai bên thỏa thuận coi như ông T bán cho ông 04 công đất này bằng 02 chỉ vàng đã nhận.

Ngày 30/3/1995 ông T tiếp tục sang bán 02 công đất giáp với đất ông mua của ông T bằng 02 chỉ vàng, ông đã trả tiền mặt bằng 560.000 đồng tương đương 01 chỉ vàng; còn nợ lại 01 chỉ thì vào ngày 13/5/1995 trả 150.000 đồng; ngày 04/8/1995 trả tiếp 300.000đồng và 07/8/1995 trả số còn lại 100.000đồng, coi như đã thực hiện xong.

Ngày 05/3/2001 ông T tiếp tục sang nhượng cho ông một cái bờ ruộng bằng 01 chỉ vàng 24kra việc này hai bên có làm giấy sang nhượng bờ ruộng ông T ký

tên, bà Huỳnh Thị X (vợ ông T) gạch thập và lấn dấu vân tay, ngoài ra còn có Cao Thị H và Hoàng Phi H làm chứng.

Như vậy, ông T đã sang nhượng cho ông tổng cộng số đất 20 công tầm lớn và một cái bờ ruộng bằng 14 chỉ vàng 24kra, khoản vàng này ông đã trả bằng vàng và tiền cho ông T xong không còn thiếu nợ, từ đó cho tới nay ông T cũng không có tranh chấp và cũng không có cơ quan chính quyền nào mời giải quyết, lúc sang nhượng đất của ông T chưa có giấy tờ gì, quá trình sử dụng ông đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012.

Việc bà X khởi kiện ông còn nợ 11 chỉ vàng, có giấy nợ và bà X đưa ra thông tin ông vào nhà lục đồ lấy cắp giấy nợ và có bà Ánh thấy làm chứng là hoàn toàn không đúng. Thực chất bà X, anh S thấy đất có giá trị nên kêu bà Ánh làm chứng để nhằm mục đích kiếm thêm tiền. Ngoài ra việc bà X khai và cung cấp giấy chứng tử ông T chết ngày 22/02/2000 là không đúng sự thật, bởi 05/3/2001 ông T và bà X còn ký giấy sang nhượng đất cho ông, điều này bà X cũng thừa nhận.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Xử bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị X và anh Nguyễn Hồng S về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền (11 chỉ vàng 24kra) phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do không có chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

** Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 07/02/2018 bà X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, yêu cầu ông Đ trả cho bà 11 chỉ vàng 24kra.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ông Đ trả cho bà 11 chỉ vàng 24kra.

Phía bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, qua động viên của Hội đồng xét xử ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà X số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị X, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ hỗ trợ cho bà X số tiền 2.000.000 đồng và miễn án phí cho bà X theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Phía nguyên đơn anh Nguyễn Hồng S không có đơn kháng cáo ủy quyền người khác tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt anh S.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử xét việc bà X cho rằng trước năm 2000, vợ chồng bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ và ông Đ còn nợ vợ chồng bà 11 chỉ vàng 24 kra, nay yêu cầu ông Đ trả lại, bà cho rằng ông Đ có ký biên nhận nợ nhưng trong lúc gia đình bà vắng nhà phía ông Đ đã vào nhà lấy cắp, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh mà bà chỉ có cung cấp người làm chứng là bà Ánh đã thấy việc ông Đ vào nhà bà lấy giấy biên nhận nợ, nhưng tại Biên bản lấy lời khai của bà A ngày 25/12/2017 (BL 43) thì bà Ánh trình bày có thấy ông Đ leo lên gác nhà bà X lấy một giấy tờ gì đó màu trắng và có nói cho bà X biết, nhưng bà X cũng không có chứng cứ gì chứng minh, không trình báo Công an hoặc chính quyền địa phương về việc ông Đ vào nhà bà lấy giấy biên nhận nợ, trong khi phía ông Đ không thừa nhận việc này, như vậy tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như tại giai đoạn xét xử phúc thẩm hôm nay, phía bà X không đưa ra được chứng cứ, chứng minh việc ông Đ còn nợ bà số vàng 11 chỉ vàng 24 kra, căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, thì việc bà X khởi kiện yêu cầu ông Đ trả 11 chỉ vàng 24 kra nhưng không đưa ra được chứng cứ hợp pháp, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở pháp lý để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua động viên của Hội đồng xét xử ông Đ vì tình nghĩa anh em kết nghĩa với ông T, thì phía ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà X số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án tuyên bà X, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.947.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp, bà X và anh S còn phải nộp thêm số tiền 973.500 đồng là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: *“Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”*. Cụ thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án như sau:

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

a)

*đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; **người cao tuổi**;.....*

Do phía bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1951, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã 67 tuổi, đối chiếu với Luật người cao tuổi ngày 23/11/2009 thì bà X thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự, theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà X.

Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bà X và sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Giá vàng nguyên đơn đưa ra và theo thị trường hiện tại (3.540.000đồng/chỉ x 11 chỉ = 38.940.000đồng) x 5% = 1.947.000 đồng. Bà X và anh S mỗi người phải chịu số tiền 973.500 đồng. Bà X là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật, anh S phải nộp số tiền 973.500 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng 973.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0001850 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, phía anh S không phải nộp thêm.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà X tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001757 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị X.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X, anh Nguyễn Hồng S về việc đòi ông Nguyễn Xuân Đ thực hiện nghĩa vụ trả 11 chỉ vàng 24 kra phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ hỗ trợ cho Bà X số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Tổng cộng số tiền là 1.947.000 đồng. Bà X và anh S mỗi người phải chịu số tiền 973.500 đồng. Bà X là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật, anh S phải nộp số tiền 973.500 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng 973.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0001850 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, phía anh S không phải nộp thêm.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà X tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001757 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn